

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 182/2018/HC-PT
Ngày 18/5/2018
V/v khởi kiện quyết định hành chính
về quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình.

Các Thẩm phán: - Bà Phan Thị Vân Hương;

- Ông Nguyễn Văn Cường.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 212/2017/TLPT-HC ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc “Khởi kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2017/HCST ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An bị kháng cáo của người khởi kiện.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2620/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Văn T, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Xóm XX, xã Quang S, huyện Đô L, tỉnh Nghệ An, có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho ông T: Luật sư Đặng Thị Hương Lan – Văn phòng Luật sư Đặng Thị Hương Lan thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An do Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Nghệ An cử, có mặt.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đô L, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Hiệp – Phó Chủ tịch (Theo Giấy ủy quyền số 625/GUQ ngày 16/5/2018). Ông Hoàng Văn Hiệp có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã Quang S, huyện Đô L, tỉnh Nghệ An;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Ch – Chủ tịch, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Quang S, huyện Đô L, tỉnh Nghệ An - ông Lê Văn Ch; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Gia đình ông Lê Văn T có 01 thửa đất ở dọc đường Khuôn - Đại S (cạnh Công Âm), nay là thửa số 628, tờ bản đồ số 10, diện tích 293m². Theo ông T thì nguồn gốc thửa đất này là do gia đình ông khai hoang sử dụng từ năm 1976; năm 1990, Ủy ban nhân dân (UBND) xã Quang S quy hoạch chung khu vực đường Khuôn - Đại S là đất ở nông thôn. Thực hiện chủ trương đó, gia đình ông T đã nộp cho UBND xã Quang S số tiền 400.000đ để được cấp đất ở và gia đình ông đã sử dụng liên tục, không tranh chấp, phù hợp quy hoạch đất ở nông thôn. Năm 2005, do có nhu cầu xây dựng nhà ở cho con ra ở riêng nên ông đã tiến hành xây dựng trên thửa đất thì bị UBND xã Quang S đình chỉ không cho xây dựng; ông đã khiếu nại và khởi kiện. Ngày 31/01/2016, ông T ra lấy số vật liệu 03 tấm tôn trên mái, 09 tấm tôn dưới đất để đưa đi nơi khác thì UBND xã Quang S lập biên bản vi phạm hành chính.

Tại Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 01/BB-VPHC ngày 31/01/2016 của UBND xã Quang S, huyện Đô L đã xác định ông T có hành vi vi phạm hành chính chiếm đất theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai; yêu cầu ông T chấm dứt hành vi vi phạm, dừng các hoạt động xây dựng chiếm đất trên diện tích đất nhà nước quản lý. Tang vật bị tạm giữ gồm: 04 tấm tôn Dắc lạnh trắng dày 40mm rộng 1,1m, dài 14,2m, dài 14,4m, dài 15,5m; ngoài ra còn có phụ lục chi tiết các thanh kẽm kèm theo. Biên bản lập xong hồi 14h; ông T có ký biên bản và ghi ý kiến: “Tôi không vi phạm thửa đất 628 là đất ở của tôi” (BL 125).

Tại Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 02/BB-VPHC ngày 31/01/2016 của UBND xã Quang S đã xác định ông T có hành vi vi phạm hành chính chuyển mục đích đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ; yêu cầu ông T chấm dứt hành vi vi phạm, dừng các hoạt động xây dựng chiếm đất trên diện tích đất nhà nước quản lý. Tang vật bị tạm giữ gồm: 04 tấm tôn Dắc lạnh trắng dày 40mm rộng 1,1m, dài 14,2m, dài 14,4m, dài 15,5m; ngoài ra còn có phụ lục chi tiết các thanh kẽm kèm theo. Biên bản lập xong hồi

16h; ông T không ký biên bản vì đã ký 1 biên bản (BL 124).

Ngày 31/01/2016, Chủ tịch UBND xã Quang S ban hành Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, theo thủ tục hành chính số 11/QĐ-TGTVPT đối với ông T gồm:

- Loại tôn: Dắc lạnh trắng dày 40mm; rộng 1,1m; số lượng 4 tấm; dài các tấm: 14,4m; 14,20m; 14,40m; 15,50m;

- 02 thang kèm hộp có hàn thành thang:

Thang 1: chiều dài thanh trên: 6,0m x 40 x 80 x 1,4mm;

Thanh dưới: 5,1 x 30 x 60 x 1,2mm;

Thang 2: chiều dài thanh trên: 12,8m x 30 x 60 x 1,2mm;

Thanh dưới: 5,1 x 30 x 60 x 1,2 mm;

Thanh kèm nhôm đơn: Tổng 24 thanh kích thước (40 x 80 x 1,4 mm)

- | | |
|---------------------|---------------------|
| - 1 thanh dài 3,8m | - 5 thanh dài 7,30m |
| - 1 thanh dài 3,95m | - 9 thanh dài 6,00m |
| - 1 thanh dài 6,30m | - 1 thanh dài 7,20m |
| - 1 thanh dài 4,60m | - 1 thanh dài 7,00m |
| - 1 thanh dài 4,00m | - 1 thanh dài 2,90m |
| - 1 thanh dài 4,30m | - 1 thanh dài 7,40m |

Ống tuýp tròn 1 thanh dài 3,9m, O 60 x 1,90 mm

Lý do tạm giữ: Để ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính tại điểm b khoản 1 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính. Thời hạn tạm giữ 7 ngày từ ngày 31/01/2016 đến ngày 06/02/2016 (BL 120).

Ngày 05/02/2016, Chủ tịch UBND xã Quang S ban hành Quyết định số 16/QĐ-GHTGTV gia hạn thời gian tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC tạm giữ của ông T; Thời hạn gia hạn là 30 ngày kể từ ngày 06/02/2016; lý do gia hạn: có nhiều tình tiết phức tạp cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ (BL 118).

Ngày 03/3/2016, Chủ tịch UBND xã Quang S ban hành Quyết định số 32/QĐ-GHTGTV gia hạn thời gian tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC tạm giữ của ông T; Thời hạn gia hạn là 30 ngày kể từ ngày 04/3/2016; lý do gia hạn: có nhiều tình tiết phức tạp cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ (BL 115).

Ngày 16/5/2016, Chủ tịch UBND xã Quang S ban hành Quyết định số 80/QĐ-TLTLTVPT trả lại tang vật, phương tiện bị tạm giữ của ông T (BL 108).

Ngày 16/5/2016, UBND xã Quang S có Giấy mời ông T để trả lại tang vật, phương tiện vi phạm trong lĩnh vực đất đai cho gia đình ông T (BL 107). Ông T nhận giấy mời nhưng không đến nhận lại tài sản. Ngày 17/5/2016, UBND xã Quang S có Giấy mời (lần 2), chị Nguyễn Thị H (là con dâu của ông T nhận giấy mời); Ông T không đến nhận lại tài sản.

Ngày 18/5/2016, UBND xã Quang S ban hành Quyết định số 36/TB-UBND trả lại tang vật, phương tiện bị tạm giữ của ông T (BL 101). Ngày 19/5/2016, ông T đến có ý kiến *“Tôi Lê Văn T không nhận tài sản nói trên vì tôi không vi phạm xây trên thửa đất 823 tờ bản đồ số 2 năm 1996 và số vật liệu trên phá dỡ đã bị biến dạng không sử dụng được nữa”* (BL 100).

Tại Quyết định số 14/QĐ-XPVPHC ngày 03/02/2016 của Chủ tịch UBND xã Quang S xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Lê Văn T đã có hành vi vi phạm hành chính chuyển mục đích đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ. Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 2.000.000 đồng. Các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm (tháo dỡ công trình xây dựng trên đất; mức hết lớp đất đã đổ lên đất nông nghiệp) (BL 137).

Ông Lê Văn T có đơn khiếu nại.

Ngày 22/3/2016, Chủ tịch UBND xã Quang S ban hành Quyết định số 57/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại, nội dung: Việc Chủ tịch UBND xã Quang S xử phạt hành chính đối với ông T là đúng. Thửa đất số 628 tờ bản đồ số 10 là đất ở không có cơ sở. Chủ tịch UBND xã ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm của ông T. Ông T chấp hành Quyết định số 14/QĐ-XPVPHC ngày 03/02/2016 của Chủ tịch UBND xã Quang S (BL 146).

Ông Lê Văn T có đơn khiếu nại Quyết định số 57/QĐ-UBND.

Ngày 05/7/2016, Chủ tịch UBND xã Quang S ban hành Quyết định số 98/QĐ-UBND hủy bỏ, sửa đổi một số văn bản xử lý hành chính, nội dung:

- Hủy bỏ Biên bản số 01/BB-VPHC ngày 31/01/2016; lý do: xác định hành vi vi phạm không đúng quy định xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 102/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

- Sửa đổi Quyết định số 14/QĐ-XPVPHC ngày 03/02/2016 xử phạt ông Lê Văn T:

- + Sửa đổi nội dung: *“Căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC do UBND xã Quang S lập hồi 8 giờ ngày 31/01/2016.....”* tại phần căn cứ

ban hành quyết định thành “*Căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC do UBND xã Quang S lập hồi 15 giờ ngày 31/01/2016...* ”.

.....

+ hình thức xử phạt chính: Phạt tiền: 1.500.000 đồng (BL 128).

Ngày 22/7/2016, Chủ tịch UBND huyện Đô L ban hành Quyết định số 1453/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của Chủ tịch UBND xã Quang S. Ông T chấp hành Quyết định số 14/QĐ-XPVPHC ngày 03/02/2016 của Chủ tịch UBND xã Quang S (BL 161).

Ngày 26/7/2016, ông Lê Văn T có đơn khởi kiện vụ án hành chính với nội dung:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của Chủ tịch UBND huyện Đô L.

- Yêu cầu tuyên xác định thửa đất 628, tờ bản đồ số 10, diện tích 293m² tại xã Quang S, huyện Đô L, tỉnh Nghệ An là đất ở của ông Lê Văn T.

- Buộc Ủy ban nhân dân xã Quang S nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T phải làm thủ tục để trình Ủy ban nhân dân huyện Đô L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Quá trình làm việc, đối thoại, ngày 19/12/2016, ông Lê Văn T khởi kiện bổ sung: Yêu cầu phải bồi thường thiệt hại do quyết định trái pháp luật gây ra với số tiền 28.277.000 đồng; buộc Ủy ban nhân dân xã Quang S phải công khai xin lỗi trên phương tiện thông tin của xã Quang S.

Ngày 04/7/2017, Chủ tịch UBND xã Quang S ban hành Quyết định số 82/QĐ-UBND hủy bỏ các quyết định: Quyết định số 14/QĐ-XPVPHC ngày 03/02/2016; Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 23/3/2016 giải quyết khiếu nại và Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 02/7/2016. Lý do: Không phù hợp với quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ. UBND xã Quang S căn cứ vào mức độ, hành vi vi phạm về lĩnh vực đất đai của ông Lê Văn T để xử lý theo quy định pháp luật (BL 258).

Ngày 10/7/2017, Chủ tịch UBND huyện Đô L ban hành Quyết định số 1417/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1453/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của Chủ tịch UBND huyện Đô L. Lý do hủy bỏ: Không phù hợp với quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ. Giao cho UBND xã Quang S căn cứ vào mức độ, hành vi vi phạm về lĩnh vực đất đai của ông Lê Văn T để xử lý theo quy định pháp luật

(BL256).

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2017/HCST ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; điểm d, đ khoản 1 Điều 123 Luật tổ tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 208 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính; Điều 11 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đề nghị hủy bỏ Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đô L về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với ông Lê Văn T.

Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính đối với yêu cầu khởi kiện tuyên xác định thửa đất 628, tờ bản đồ số 10, diện tích 293m² tại xã Quang S, huyện Đô L, tỉnh Nghệ An là đất ở của ông Lê Văn T; Buộc Ủy ban nhân dân xã Quang S nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T phải làm thủ tục để trình Ủy ban nhân dân huyện Đô L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06/9/2017, ông Lê Văn T kháng cáo, nội dung: Bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và nội dung vụ án gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của ông T. Đề nghị hủy bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện đề nghị: Yêu cầu xác định thửa đất 628, tờ bản đồ số 10, diện tích 293m² tại xã Quang S là đất ở của ông Lê Văn T. Buộc UBND xã Quang S nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T phải làm thủ tục để trình UBND huyện Đô L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Yêu cầu phải bồi thường thiệt hại số tiền 28.277.000 đồng. Buộc UBND xã Quang S phải công khai xin lỗi trên phương tiện thông tin của xã Quang S. Án sơ thẩm có vi phạm về tố tụng, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Ý kiến của ông Lê Văn Ch: UBND xã Quang S đã ban hành các quyết định đúng trình tự thủ tục, ông T có hành vi vi phạm hành chính chuyển mục đích đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật. Yêu cầu ông T phải bồi thường tiền mà UBND xã đã chi phí bảo quản số tài sản bị tạm giữ là 73.000.000 đồng. UBND xã không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông T số tiền 28.277.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Quyết định giải quyết khiếu nại số 1453/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của Chủ tịch UBND huyện Đô L đã bị hủy bỏ bởi Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đô L, đối tượng khởi kiện của vụ án không còn. Xét Quyết định số 1417/QĐ-UBND được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu của ông T công nhận thửa đất số 628 là đất ở đã được giải quyết tại Bản án hành chính phúc thẩm số 03/2016/HCPT ngày 10/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm h khoản 1 Điều 143 Luật tổ tụng hành chính đình chỉ là có căn cứ. Đối với yêu cầu phải bồi thường thiệt hại số tiền 28.277.000 đồng, nếu ông T có căn cứ có thể khởi kiện vụ án dân sự. Yêu cầu của UBND xã Quang S buộc ông T phải bồi thường 73.000.000 đồng là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính bác kháng cáo của ông Lê Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1]. Về tố tụng:

- Về đối tượng khởi kiện: Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của Chủ tịch UBND huyện Đô L giải quyết khiếu nại đối với ông Lê Văn T trong lĩnh vực quản lý đất đai; yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định hành chính gây ra với số tiền 28.277.000 đồng là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại Điều 3; khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính; Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 22/7/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đô L ban hành Quyết định số 1453/QĐ-UBND; ngày 26/7/2016, ông Lê Văn T có đơn khởi kiện đối với Quyết định số 1453/QĐ-UBND là đúng theo quy định điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2]. Về nội dung

[2.1]. Yêu cầu hủy Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của Chủ tịch UBND huyện Đô L.

- Về thẩm quyền ban hành quyết định: Chủ tịch UBND huyện Đô L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1453/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại tố cáo.

- Về nội dung: Quyết định số 1453/QĐ-UBND giải quyết các nội dung: Chủ tịch UBND xã Quang S xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai của ông T là đúng quy định của pháp luật; Thửa đất số 628 không phải là đất ở của hộ gia đình ông T; Ông T xây nhà ở trái phép trên thửa đất số 628 nên Chủ tịch UBND xã ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm chứ không phải lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phá hoại tài sản của gia đình ông T. Quyết định số 1453/QĐ-UBND đã giải quyết các nội dung mà ông T khiếu nại sau khi Chủ tịch UBND xã Quang S ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 57/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 nhưng ông T không nhất trí.

Trong quá trình giải quyết vụ án; ngày 10/7/2017, Chủ tịch UBND huyện Đô L ban hành Quyết định số 1417/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 với lý do: Không phù hợp với quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai. Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1453/QĐ-UBND. Xét thấy Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 10/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đô L hủy bỏ Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 22/7/2016; như vậy, Quyết định số 1453/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đô L đã bị hủy bỏ nên cần bác yêu cầu khởi kiện của ông T đề nghị hủy bỏ Quyết định số 1453/QĐ-UBND.

Quyết định số 1417/QĐ-UBND được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Đối với nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định thửa đất số 628, tờ bản đồ số 10, diện tích 293m² là đất ở và buộc UBND xã Quang S nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T phải làm các thủ tục để trình UBND huyện Đô L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 628 cho ông T:

Ngày 01/7/2011, ông T có đơn khởi kiện vụ án hành chính đối với nội dung nêu trên. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HCST ngày 28/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đô L, tỉnh Nghệ An đã xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T và tại Bản án hành chính phúc thẩm số 03/2016/HCPT ngày 10/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm. Không nhất trí với bản án phúc thẩm ông T có đơn khiếu nại theo trình tự giám đốc thẩm đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Tòa án nhân dân tối cao; tại Thông báo số 01/TB-TANDCC-HC ngày 12/01/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã trả lời ông T là không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án hành chính phúc thẩm nêu trên; tại Thông báo số 156/TB-VGĐKT III ngày 25/8/2017 của Tòa án nhân dân tối cao đã trả lời ông T là không

có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 03/2016/HCPT ngày 10/5/2016. Như vậy, các nội dung khởi kiện yêu cầu xác định diện tích 293m² đất thửa đất số 628, tờ bản đồ số 10 là đất ở và buộc UBND xã Quang S nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T phải làm các thủ tục để trình UBND huyện Đô L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 293m² đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ là có căn cứ.

[2.3]. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do quyết định trái pháp luật gây ra với số tiền 28.277.000 đồng; Buộc công khai xin lỗi trên phương tiện thông tin của xã Quang S thấy rằng:

Ngày 31/01/2016, UBND xã Quang S đã xác định ông T có hành vi vi phạm hành chính chuyển mục đích đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ; yêu cầu ông T chấm dứt hành vi vi phạm, dừng các hoạt động xây dựng chiếm đất trên diện tích đất nhà nước quản lý. Tang vật bị tạm giữ gồm: 04 tấm tôn Dắc lạnh trắng dày 40mm rộng 1,1m, dài 14,2m, dài 14,4m, dài 15,5m; ngoài ra còn có phụ lục chi tiết các thanh kẽm kèm theo. Ngày 31/01/2016, Chủ tịch UBND xã Quang S ban hành Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, theo thủ tục hành chính số 11/QĐ-TGTVPT đối với ông T với số tang vật nêu trên. Ngày 05/02/2016, Chủ tịch UBND xã Quang S ban hành Quyết định số 16/QĐ-GHTGTV gia hạn thời gian tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC; thời hạn gia hạn là 30 ngày kể từ ngày 06/02/2016. Ngày 03/3/2016, Chủ tịch UBND xã Quang S ban hành Quyết định số 32/QĐ-GHTGTV gia hạn thời gian tạm giữ tang vật, phương tiện VPHC; thời hạn gia hạn là 30 ngày kể từ ngày 04/3/2016. Ngày 16/5/2016, Chủ tịch UBND xã Quang S ban hành Quyết định số 80/QĐ-TLTLTVPT trả lại tang vật, phương tiện bị tạm giữ của ông T.

Thời gian tạm giữ tang vật của ông T từ ngày 31/01/2016 đến ngày 16/5/2016. Theo quy định tại khoản 8 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính thì thời hạn tạm giữ tang vật là 60 ngày; như vậy, UBND xã Quang S đã giữ tang vật của ông T quá thời hạn quy định của pháp luật; UBND xã Quang S đã nhiều lần mời ông T đến nhận lại tài sản nhưng ông T đã không nhận lại tài sản vì cho rằng tài sản đã bị hỏng. Tại tòa án cấp sơ thẩm do vụ việc đang tiếp tục giải quyết nên vấn đề bồi thường cũng như buộc công khai xin lỗi chưa có cơ sở xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm chưa đủ căn cứ chứng minh thiệt hại, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông T. Ông T có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[2.4]. Đối với yêu cầu của UBND xã Quang S buộc ông T phải bồi thường 73.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện UBND xã Quang S yêu cầu ông T phải bồi thường cho UBND xã tiền đã chi phí bảo quản số tài sản bị tạm giữ là 73.000.000 đồng. Yêu cầu này của UBND xã Quang S Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông Lê Văn T là thương binh nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Lê Văn T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015,

1. Bác kháng cáo của ông Lê Văn T.

2. Giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2017/HCST ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THA dân sự tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Vân Hương

Nguyễn Văn Cường

Lê Thị Thúy Bình

